

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 13/12/2018

“ Tranh chấp về Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Quang.

2. Bà Vũ Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mừng** – Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Ngoan** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/11/2018 và 13/12/2018, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2018/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2018 tranh chấp về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/11/2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Văn K**, sinh năm 1965.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Bà **Đặng Thị H**, sinh năm 1967.

Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Vũ Văn K trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ông và bà Đặng Thị H sau một thời gian tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương năm 1989 trên cơ sở tự nguyện,

không bị ép buộc hay ngăn cản. Tuy nhiên, trong quá trình cất giữ tài liệu, ông K, bà H đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn nhưng đã được UBND xã Tân Việt xác nhận là ông K, bà H có đăng ký kết hôn năm 1989. Sau khi cưới cuộc sống chung giữa ông và bà H luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, cả hai ông bà không tìm được tiếng nói chung nên thường xảy cãi cọ, xúc phạm và không có sự tôn trọng dành cho nhau, bà H thường có lời nói và thái độ không tôn trọng ông và mẹ đẻ ông. Bản thân ông cũng nhiều lần tham gia góp ý để bà H thay đổi tính cách và cách sống nhưng bà H vẫn không thay đổi từ đó mâu thuẫn vợ chồng ông bà ngày càng căng thẳng, trầm trọng hơn. Khi xảy ra mâu thuẫn giữa hai ông bà thì đại diện nơi công tác của bà H có đến tham gia nói chuyện khuyên giải để vợ chồng ông hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành. Thời gian đầu vợ chồng ông sinh sống tại thôn Phú Đa, xã Hồng Khê, Bình Giang, Hải Dương nhưng do không chịu được cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông đã đưa mẹ của ông và ông cũng chuyển về sống tại thôn Tân Hưng, xã Tân Việt, Bình Giang, Hải Dương từ ngày 04/9/2017, ông và bà H sống ly thân hoàn toàn từ tháng 9/2017 đến nay, vợ chồng không có sự quan tâm, lo lắng giành cho nhau nữa. Nay ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, vợ chồng ông đã sống ly thân hơn 1 năm nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông K vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn bà H để giải phóng cho nhau.

- Về quan hệ con chung: Ông K trình bày vợ chồng ông bà có hai con chung là Vũ Thị D, sinh ngày 26/8/1990 và Vũ Quang K1, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay các con đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Ông K cho rằng vợ chồng ông bà đã tự thống nhất thỏa thuận với nhau nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bà Đặng Thị H là bị đơn trình bày:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn như ông K trình bày là đúng. Sau khi kết hôn thì vợ chồng bà vẫn sống chung nhà cùng bố mẹ đẻ ông K, sau đó thì vợ chồng ông bà và mẹ đẻ ông Khanh chuyển đến thôn Phú Đa, xã Hồng Khê, Bình Giang, Hải Dương sinh sống. Trong cuộc sống chung, vợ chồng bà cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng khi đó ông K đi công tác xa nhà thì mâu thuẫn cũng không lớn. Tuy nhiên đến khi ông K nghỉ chế độ hưu trí về nhà thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều hơn và cũng gay gắt hơn. Bà H cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do cả hai ông bà bất đồng quan điểm, ông K sống không có trách nhiệm với gia đình, vợ con mà để một mình bà phải lo toan mọi việc lớn nhỏ trong gia đình. Nhiều lần bà cũng tìm cách để khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành. Hơn nữa bà H cho rằng trong thời gian công tác xa nhà, ông K có quan hệ với người phụ nữ khác tại nơi ông K công tác nhưng bản thân bà không có tài liệu chứng minh việc ông K không chung thủy với bà. Khi vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn thì đại diện nhà trường nơi bà H công tác cũng có đến tham gia góp ý để vợ chồng bà hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành. Tháng 9/2017 ông Khanh

đã đưa mẹ đẻ ông K về sinh sống tại thôn Tân Hưng, xã Tân Việt, Bình Giang, Hải Dương chứ không sống cùng bà nữa, vợ chồng sống ly thân hoàn toàn từ tháng 9/2017 cho đến nay, không ai còn quan tâm tới ai. Nay ông K đề nghị ly hôn, bà không nhất trí ly hôn mà mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau xây dựng cuộc sống chung nhưng bản thân bà không tìm được biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Nếu ông K vẫn cương quyết ly hôn, bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Bà H xác định vợ chồng bà có hai con chung là Vũ Thị D, sinh ngày 26/8/1990 và Vũ Quang K1, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay các con chung của ông bà đã trên 18 tuổi nên nếu phải ly hôn, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tại các biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải, bà H đều trình bày vợ chồng bà đã thống nhất thỏa thuận với nhau nên tại phiên tòa, bà không yêu cầu HĐXX xem xét, giải quyết.

Theo yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ của các đương sự và của đại diện VKSND huyện Bình Giang tại phiên tòa ngày 16/11/2018, Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại chính quyền địa phương nơi ông Khanh sinh sống và xác minh tại nơi bà Hạnh công tác được cung cấp như sau:

Trong cuộc sống chung, vợ chồng ông K, bà H có xảy ra mâu thuẫn và hiện nay cả hai ông bà đều không chung sống cùng nhà với nhau. Tuy nhiên, cả ông K, bà H đều không báo cáo chính với chính quyền địa phương nên địa phương không biết và cũng không hòa giải đối với ông K, bà H. Chỉ có trường tiểu học xã Hồng Khê, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương nắm bắt được việc mâu thuẫn giữa ông K, bà H nên có cử đại diện nhà trường đến tham gia góp ý để vợ chồng ông K bà H khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn cuộc sống chung nhưng không thành. Việc ông K có đơn xin ly hôn, đại diện chính quyền địa phương và đại diện nơi công tác của bà Hạnh đều đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ tại Trường Quân sự Quân khu 2 nơi ông K công tác trước đây, kết quả xác minh thể hiện như sau: Trong quá trình công tác và sinh sống tại đơn vị, ông K có lối sống đúng mực, không có biểu hiện vi phạm đạo đức lối sống, chấp hành tốt quy định, nội quy của đơn vị và Điều lệnh quân đội. Đơn vị nơi ông K công tác cũng không nhận được ý kiến phản ánh về việc ông K có quan hệ với người phụ nữ khác.

Xác minh tại thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện ông Khanh có thời gian về dạy học văn hóa tại thôn có lối sống lành mạnh và có mối quan hệ giữa quân đội với nhân dân tốt, không có điều tiếng gì. Đối với bà Kiều Thị H1, là công dân sinh sống tại địa phương, mối quan hệ giữa bà H1 và ông K chỉ là quan hệ giữa nhân dân với đơn vị bộ đội chứ ngoài ra không có quan hệ gì khác.

Tiến hành lấy lời khai của bà Kiều Thị H1, địa chỉ: thôn Đại Phúc, xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện: Trong thời gian ông K công tác tại địa phương thì ông K có mối quan hệ tốt với nhân dân địa phương, giữa bà với

ông Khanh cũng chỉ là quan hệ xã giao bình thường chứ hoàn toàn không có quan hệ nam nữ gì khác. Việc bà H là vợ ông K cho rằng bà có quan hệ bất chính với ông K và có một người con chung với ông K là không có căn cứ và hoàn toàn không đúng sự thật.

Tại phiên tòa, ông K xác định mâu thuẫn vợ chồng vợ chồng căng thẳng trầm trọng, vợ chồng không có sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, ông và bà H đã sống ly thân một thời gian nên tình cảm vợ chồng không còn nên ông Khanh vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn bà H.

Về quan hệ con chung: Con chung của ông K, bà H hiện đã trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng ông đã thống nhất thỏa thuận với nhau nên ông K không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bà Đặng Thị H là bị đơn không nhất trí ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng bản thân bà H không có biện pháp gì để hàn gắn cuộc sống chung của vợ chồng.

Về quan hệ con chung: Con chung của vợ chồng bà đã trên 18 tuổi nên bà H không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng vì hai ông bà đã thống nhất thỏa thuận với nhau và có xác nhận của địa phương nơi ông bà cư trú.

□ại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang phát biểu quan điểm về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án trong quá trình điều tra xác minh thu thập chứng cứ đã đảm bảo cho các đ- ông sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đảm bảo xét xử công khai, khách quan, đúng trình tự... Về nội dung đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án;

- Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn K. Xử cho ông Vũ Văn K ly hôn và Đặng Thị H.

- Về con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông K là người khởi kiện nên phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về tố tụng:

- Ông K và bà H là đương sự trong vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ và có đều có mặt tại phiên tòa theo triệu tập của Tòa án.

- Tại phiên tòa, ông K là nguyên đơn không nộp bổ sung tài liệu gì mới, không thay đổi, bổ sung hay rút yêu cầu khởi kiện của mình, bà H là bị đơn không cung cấp thêm tài liệu gì cho Tòa án. Vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2]Về nội dung:

2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn K và bà Đặng Thị H được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Việt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương năm 1989 là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống cũng như không có sự chia sẻ với nhau và không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ tháng 9/2018 đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay ông K xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà H.

Bà H thừa nhận việc vợ chồng bà thường xảy ra cãi cọ, xúc phạm đến nhau là sự thật và vợ chồng bà đã sống ly thân một thời gian, cả hai không còn tình cảm vợ chồng cũng như không còn sự yêu thương chăm sóc dành cho nhau. Tuy nhiên, việc ông K đề nghị ly hôn bà không nhất trí, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân bà lại không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn giữa hai vợ chồng.

Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, căng thẳng, vợ chồng sống ly thân một thời gian và không còn sự quan tâm, chăm sóc đến nhau, giữa ông K và bà H không có sự tin tưởng và tôn trọng giành cho nhau, bà H luôn nghi ngờ ông K khiến cuộc sống chung của ông bà không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, tình cảm vợ chồng không còn và cuộc sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho ông K ly hôn bà H.

2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung là Vũ Thị D, sinh ngày 26/8/1990 và Vũ Quang K, sinh ngày 12/6/1998. Hiện nay các con chung của ông bà đã trên 18 tuổi HĐXX không xem xét giải quyết.

2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Ông K, bà H đều xác định vợ chồng ông tự thống nhất thỏa thuận với nhau và cùng tự nguyện không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.4] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc ông Khanh phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn K.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Vũ Văn K ly hôn bà Đặng Thị H.

- Về án phí: Ông Vũ Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với tiền tạm ứng án phí ông K đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang là 300.000 đồng (theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002742 ngày 25 tháng 7 năm 2018), ông K đã nộp đủ án phí ly hôn.

Báo ông K, bà H có quyền kháng cáo bản án ttrong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Tân Việt, huyện Bình Giang,
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG